3

CƠ QUAN CẤP HỘ CHIẾU
ISSUING AUTHORITY
CỤC QUẢN LÝ XUẤT NHẬP CẢNH
Immigration Department
T/L CỤC TRƯỞNG
For the Director
P. Trưởng Phòng
Deputy Chief of Division
Hoàng Thanh Tùng

Chữ ký người mang hộ chiếu
Signature of bearer
HAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM - *SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM*

HỘ CHIẾU / *PASSPORT*

Loại / *Type*: P
Mã số / *Code*: VNM
Số hộ chiếu / *Passport N°*: C8399158

Họ và tên / *Full name*: NGUYỄN HUY HẢI
Quốc tịch / *Nationality*: VIỆT NAM / *VIETNAMESE*
Ngày sinh / *Date of birth*: 03 / 12 / 2000
Nơi sinh / *Place of birth*: THANH HOÁ
Giới tính / *Sex*: NAM / M
Số GCMND / *ID card N°*: 038200006841
Ngày cấp / *Date of issue*: 08 / 11 / 2019
Có giá trị đến / *Date of expiry*: 08 / 11 / 2029
Nơi cấp / *Place of issue*: Cục Quản lý xuất nhập cảnh

P<VNMNGUYEN<<HUY<HAI<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C8399158<1VNM0012038M2911087038200006841<<68

VIET NAM - IMMIGRATION
NOI BAI
16 FEB 2020
213A

JAPAN IMMIGRATION INSPECTOR
上陸許可
LANDING PERMISSION
許可年月日 Date of permit: 17. FEB. 2020
在留期限 Until: 17. FEB. 2021
在留資格 Status: 技能実習1ロ Intern Training (I)(B)
在留期間 Duration: One year
NARITA

19010540009
LHKK5677501
LD60042324FA

JAPAN VISA
日本国査証

EC6309145

Place of issue: HANOI
Date of issue: 04 FEB 20
Date of expiry: 04 MAY 20
No.of entries: SINGLE
Issue No.: 20C11182
For stay(s) of: 1 YEAR
Category: (E) AS TECH. INTERN TRAINING (I) (B)
Surname/Given name: NGUYEN HUY HAI
Passport No.: C8399158
Sex: M
Date of birth: 03 DEC 00
Nationality: VNM
No. of applicants:
Remarks

MINISTRY OF FOREIGN AFFAIRS JAPAN 外務省

BCY19-050653

V<JPNNGUYEN<<HUY<HAI<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<<
C8399158<1VNM0012038M2005043 20C11182620A<E17